

Số: 846/QĐ-DHN

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận trúng tuyển Dược sĩ chuyên khoa cấp I năm 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/09/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 224/TTg ngày 24/5/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo trên đại học ở trong nước;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25/5/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ vào Công văn số 916/K2ĐT-SĐH ngày 11/10/2017 của Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo – Bộ Y tế về việc xét trúng tuyển DSKKI, DSKKII 2017, ĐH Dược Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường Phòng Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Dược sĩ chuyên khoa cấp I năm 2017 cho 197 học viên có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này.

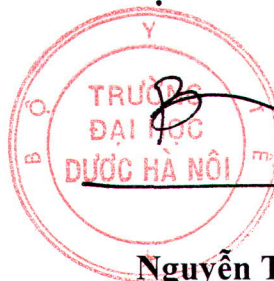
Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ và được hưởng các quyền lợi theo Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng Phòng Sau đại học, Tài chính kế toán và các học viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

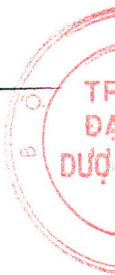
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, SDH.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PT, QL, ĐH**



Nguyễn Thanh Bình



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN DƯỢC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 3476/QĐ-DHN ngày 17 tháng 10 năm 2017 của

Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn KTBC&SDH	Môn Hóa dược	Tổng
1	Mai Thị Lan Anh	Nữ	27/07/1988	9,50	10,00	19,50
2	Trần Tuấn Anh	Nam	06/07/1987	9,50	9,75	19,25
3	Trần Tuấn Anh	Nam	01/10/1979	7,25	5,00	12,25
4	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	18/06/1983	7,75	8,50	16,25
5	Lê Thị Kim Anh	Nữ	12/01/1988	9,00	9,75	18,75
6	Võ Thị Bích	Nữ	29/06/1983	9,25	6,75	16,00
7	Lường Ngọc Bích	Nữ	17/03/1987	8,50	9,50	18,00
8	Nguyễn Hải Bình	Nữ	27/09/1982	9,25	9,75	19,00
9	Nguyễn Ngọc Cầu	Nam	02/03/1990	9,25	8,25	17,50
10	Đinh Thị Chi	Nữ	05/08/1985	8,25	6,00	14,25
11	Lê Thị Quỳnh Chi	Nữ	13/11/1986	8,75	9,00	17,75
12	Vũ Thị Chiêm	Nữ	08/03/1981	7,25	7,00	14,25
13	Hoàng Thị Chuyên	Nữ	28/09/1988	9,25	9,75	19,00
14	Đặng Đình Cương	Nam	01/02/1987	8,00	6,00	14,00
15	Vũ Thị Bích Dung	Nữ	23/11/1982	8,25	5,00	13,25
16	Lê Thị Dung	Nữ	27/10/1981	9,00	8,00	17,00
17	Nguyễn Thị Hà Duyên	Nữ	19/08/1988	9,00	9,50	18,50
18	Hồ Thị Duyên	Nữ	25/12/1988	9,25	9,25	18,50
19	Nguyễn Trung Dũng	Nam	02/04/1985	7,75	6,75	14,50
20	Nguyễn Anh Dũng	Nam	19/08/1986	9,50	9,00	18,50
21	Nguyễn Anh Dũng	Nam	11/11/1984	8,75	7,25	16,00
22	Nguyễn Văn Dương	Nam	15/05/1993	9,00	8,50	17,50
23	Đoàn Thị Dự	Nữ	06/04/1984	9,50	7,50	17,00
24	Nguyễn Trọng Dự	Nam	02/11/1977	9,75	9,50	19,25
25	Hà Văn Độ	Nam	02/03/1987	5,00	6,75	11,75
26	Nguyễn Năng Được	Nam	10/11/1981	5,75	8,50	14,25
27	Trần Văn Đức	Nam	29/07/1989	8,25	9,50	17,75
28	Quách Thị Thu Hà	Nữ	03/08/1990	9,25	8,00	17,25
29	Phùng Thị Thu Hà	Nữ	27/10/1985	9,50	8,25	17,75
30	Nguyễn Thị Hà	Nữ	09/07/1987	7,00	9,50	16,50
31	Đào Việt Hà	Nữ	17/01/1978	8,00	6,00	14,00
32	Nguyễn Thị Thái Hà	Nữ	31/03/1985	8,00	7,25	15,25
33	Nguyễn Đông Hải	Nam	02/08/1986	6,00	6,25	12,25
34	Phạm Thị Hào	Nữ	27/09/1982	9,25	10,00	19,25
35	Đinh Hồng Hạnh	Nữ	10/04/1978	7,00	6,25	13,25
36	Vì Văn Hậu	Nam	12/02/1981	6,25	5,00	11,25
37	Trương Thị Hiền	Nữ	03/12/1989	8,50	9,25	17,75
38	Nguyễn Như Hiệp	Nam	24/05/1984	8,00	9,25	17,25
39	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	29/08/1971	8,50	9,75	18,25
40	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	20/11/1985	9,50	9,50	19,00
41	Trần Thị Hiền	Nữ	15/06/1982	9,00	6,75	15,75

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn KTBC&SDH	Môn Hóa được	Tổng
42	Đông Thị Thu Hiền	Nữ	23/10/1977	8,75	7,75	16,50
43	Bùi Thị Hoa	Nữ	04/04/1985	9,75	9,50	19,25
44	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	Nữ	30/12/1982	6,50	5,00	11,50
45	Trương Thị Thanh Hóa	Nữ	11/09/1986	8,25	6,00	14,25
46	Trương Thị Hòa	Nữ	15/05/1980	9,25	10,00	19,25
47	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	15/10/1987	9,75	10,00	19,75
48	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Nữ	21/10/1987	9,50	9,50	19,00
49	Nguyễn Văn Học	Nam	13/11/1989	9,00	8,50	17,50
50	Hoàng Thị Ngọc Hôi	Nữ	28/01/1980	7,00	6,75	13,75
51	Phạm Thị Mỹ Hồng	Nữ	03/11/1975	9,50	10,00	19,50
52	Trần Thị Hồng	Nữ	30/03/1972	5,00	5,25	10,25
53	Nguyễn Quốc Huy	Nam	12/01/1990	9,00	7,50	16,50
54	Trần Xuân Huy	Nam	02/10/1984	9,00	9,75	18,75
55	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	23/06/1991	10,00	10,00	20,00
56	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	17/08/1978	7,50	5,00	12,50
57	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	01/05/1989	9,50	10,00	19,50
58	Nguyễn Thị Nhật Huyền	Nữ	20/02/1977	8,25	7,75	16,00
59	Trần Mạnh Hùng	Nam	02/08/1984	9,50	10,00	19,50
60	Trương Quốc Hùng	Nam	15/10/1979	6,00	7,25	13,25
61	Phùng Thị Quỳnh Hương	Nữ	31/10/1987	8,75	8,75	17,50
62	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	01/11/1981	7,75	6,50	14,25
63	Nguyễn Thu Hương	Nữ	03/02/1985	8,75	8,75	17,50
64	Hà Thị Thu Hương	Nữ	12/01/1988	7,25	8,00	15,25
65	Vũ Thị Hường	Nữ	22/02/1976	8,50	8,25	16,75
66	Hoàng Thị Thu Hường	Nữ	05/02/1982	8,00	9,25	17,25
67	Nguyễn Văn Kết	Nam	15/05/1983	9,50	8,75	18,25
68	Hà Thị Lan	Nữ	10/09/1988	7,25	5,50	12,75
69	Trần Thị Thùy Linh	Nữ	10/09/1989	8,00	7,50	15,50
70	Đào Thị Phương Linh	Nữ	17/02/1989	9,50	8,25	17,75
71	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	01/02/1992	8,00	10,00	18,00
72	Phạm Thùy Linh	Nữ	06/08/1990	9,50	8,00	17,50
73	Đào Thị Vi Loan	Nữ	07/05/1984	5,25	5,00	10,25
74	Mai Hoàng Long	Nam	22/01/1984	6,50	7,25	13,75
75	Nguyễn Thành Long	Nam	23/01/1986	8,25	10,00	18,25
76	Vũ Hồng Lua	Nữ	27/03/1987	9,00	9,50	18,50
77	Hoàng Thị Mai	Nữ	24/02/1981	9,00	8,75	17,75
78	Nguyễn Thúy Mai	Nữ	28/08/1979	8,75	5,50	14,25
79	Vũ Thị Thu Mai	Nữ	12/08/1985	7,50	8,25	15,75
80	Phạm Thị Thu Mai	Nữ	20/03/1974	7,00	7,00	14,00
81	Đỗ Thị Thanh Mừng	Nữ	03/08/1979	8,75	8,50	17,25
82	Hoàng Thị Nga	Nữ	25/11/1974	7,00	5,50	12,50
83	Nguyễn Thị Nga	Nữ	04/02/1986	9,00	9,50	18,50
84	Trần Thị Hương Ngát	Nữ	02/03/1985	8,75	8,25	17,00
85	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	30/05/1988	9,50	10,00	19,50
86	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	30/06/1985	8,75	7,50	16,25
87	Phạm Xuân Ngọc	Nam	15/10/1979	7,50	5,25	12,75
88	Lưu Tuấn Ngọc	Nam	17/12/1991	8,75	9,00	17,75

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn KTBC&SDH	Môn Hóa được	Tổng
89	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	26/05/1982	8,75	7,25	16,00
90	Lưu Thị Hồng Nhung	Nữ	10/08/1988	9,00	9,50	18,50
91	Đàm Văn Nông	Nam	18/05/1986	7,00	8,00	15,00
92	Lê Thị Oanh	Nữ	26/11/1984	7,25	7,75	15,00
93	Đặng Hùng Phương	Nam	02/06/1981	7,00	7,25	14,25
94	Lê Thị Minh Phương	Nữ	03/02/1981	6,50	9,25	15,75
95	Dư Thủy Phương	Nữ	05/08/1980	7,75	5,50	13,25
96	Trần Trọng Phương	Nam	22/02/1985	8,00	9,00	17,00
97	Trần Thị Phương	Nữ	12/07/1990	8,00	9,25	17,25
98	Lã Thị Bích Phượng	Nữ	10/06/1987	8,50	9,00	17,50
99	Phạm Hoàng Quý	Nam	20/12/1984	9,25	9,00	18,25
100	Đinh Ngọc Sinh	Nữ	25/05/1981	9,75	10,00	19,75
101	Phạm Thế Sơn	Nam	14/10/1985	8,00	9,75	17,75
102	Cần Cao Sơn	Nam	22/12/1985	7,50	6,50	14,00
103	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	12/02/1975	8,25	7,50	15,75
104	Phạm Văn Thành	Nam	20/08/1981	8,75	9,75	18,50
105	Võ Thị Thảo	Nữ	24/09/1987	9,25	9,75	19,00
106	Đặng Thị Thảo	Nữ	16/08/1986	8,25	8,25	16,50
107	Đặng Thị Phương Thảo	Nữ	07/02/1976	9,25	9,00	18,25
108	Nguyễn Ngọc Thạch	Nam	17/08/1985	8,75	8,25	17,00
109	Lưu Thị Thắm	Nữ	24/04/1990	8,75	10,00	18,75
110	Đoàn Mạnh Thắng	Nam	02/07/1971	5,00	6,50	11,50
111	Ngô Văn Thế	Nam	03/06/1985	8,75	7,75	16,50
112	Trần Kim Thoa	Nữ	26/11/1989	10,00	10,00	20,00
113	Đinh Hoàng Thu	Nữ	29/09/1987	9,25	7,75	17,00
114	Thái Bá Thuật	Nam	27/04/1988	8,00	5,75	13,75
115	Hoàng Thị Thủy	Nữ	10/06/1991	9,75	10,00	19,75
116	An Thị Thúy	Nữ	18/01/1975	9,00	7,25	16,25
117	Bùi Thanh Thủy	Nữ	05/10/1992	9,75	9,25	19,00
118	Vương Minh Thủy	Nam	10/11/1984	9,50	9,00	18,50
119	Hà Thị Thanh Thương	Nữ	25/09/1979	7,25	8,25	15,50
120	Mai Lương Tiên	Nam	02/03/1968	5,25	6,75	12,00
121	Trần Thị Thu Trang	Nữ	29/11/1984	8,75	9,50	18,25
122	Cao Thị Thu Trang	Nữ	15/10/1989	8,75	8,25	17,00
123	Thái Huyền Trang	Nữ	28/10/1988	8,00	8,25	16,25
124	Lê Thùy Trang	Nữ	01/11/1986	9,25	8,00	17,25
125	Đặng Thị Thu Trang	Nữ	23/03/1987	8,75	7,50	16,25
126	Nguyễn Thành Trung	Nam	21/11/1977	9,00	9,75	18,75
127	Phạm Văn Trúc	Nam	16/04/1977	5,00	6,25	11,25
128	Trần Thị Thu Trường	Nữ	19/11/1985	8,75	8,25	17,00
129	Vũ Xuân Trường	Nam	24/02/1990	6,25	6,25	12,50
130	Phạm Anh Tuấn	Nam	20/03/1987	9,00	9,50	18,50
131	Đào Thanh Tuấn	Nam	25/10/1982	7,50	5,50	13,00
132	Trần Thị Kim Tuyền	Nữ	02/11/1972	8,25	8,00	16,25
133	Phạm Văn Việt	Nam	06/07/1987	9,50	9,50	19,00
134	Lương Hoàng Việt	Nam	23/11/1986	7,25	6,00	13,25
135	Đặng Thị Vinh	Nữ	29/12/1991	9,00	10,00	19,00

44

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn KTBC&SDH	Môn Hóa được	Tổng
136	Nguyễn Thị Mai Yên	Nữ	22/12/1982	10,00	9,25	19,25
137	Hoàng Hải Yên	Nữ	06/07/1987	9,75	10,00	19,75
138	Trần Ngọc An	Nữ	23/11/1975	9,25	8,50	17,75
139	Trương Cẩm Bình	Nam	19/08/1975	9,00	8,50	17,50
140	Nguyễn Gia Cát	Nam	22/10/1973	8,25	8,50	16,75
141	Trần Thị Kim Chi	Nữ	04/03/1970	9,00	9,50	18,50
142	Nguyễn Thị Khánh Chi	Nữ	05/09/1982	9,50	8,75	18,25
143	Nguyễn Đức Chung	Nam	08/06/1982	8,25	9,25	17,50
144	Lê Ngọc Diễm	Nữ	01/10/1987	9,00	9,00	18,00
145	Đinh Thị Dung	Nữ	26/12/1969	9,00	7,75	16,75
146	Lê Thị Dung	Nữ	22/11/1985	9,25	8,50	17,75
147	Đào Phạm Thùy Dương	Nữ	16/12/1988	9,00	8,50	17,50
148	Nguyễn Dương	Nam	30/08/1988	9,00	9,50	18,50
149	Bùi Thị Thùy Dương	Nữ	12/10/1980	8,25	9,00	17,25
150	Phan Hải Đăng	Nam	05/12/1982	6,75	7,75	14,50
151	Võ Hồ Diệp	Nữ	23/03/1973	5,00	8,50	13,50
152	Lê Thanh Điền	Nam	22/11/1979	7,25	9,50	16,75
153	Cao Tấn Đỗ	Nam	23/05/1985	8,50	9,00	17,50
154	Trần Thị Thanh Hà	Nữ	09/11/1980	6,25	8,50	14,75
155	Trương Tấn Hào	Nam	30/01/1978	6,50	7,00	13,50
156	Bùi Trí Hiếu	Nam	07/10/1983	8,00	8,50	16,50
157	Võ Thị Thương Hoài	Nữ	10/11/1984	8,00	9,00	17,00
158	Đặng Thị Bích Hòa	Nữ	12/06/1983	8,00	8,00	16,00
159	Hoàng Thị Huyền	Nữ	05/02/1987	8,25	9,50	17,75
160	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	02/09/1986	6,00	8,75	14,75
161	Nguyễn Trung Hưng	Nam	12/07/1973	8,25	8,25	16,50
162	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	14/09/1980	8,50	7,25	15,75
163	Chu Thị Lan	Nữ	16/06/1975	6,50	8,00	14,50
164	Hồ Văn Lập	Nam	26/06/1982	7,75	8,00	15,75
165	Nguyễn Thị Mỹ Linh	Nữ	09/05/1985	7,75	8,75	16,50
166	Vũ Thị Loan	Nữ	10/06/1985	9,25	9,25	18,50
167	Đường Quảng Long	Nam	04/09/1980	8,50	9,00	17,50
168	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Nữ	10/01/1970	8,00	7,25	15,25
169	Trịnh Thị Hà Minh	Nữ	24/12/1988	7,75	8,00	15,75
170	Hà Thanh Mơi	Nam	10/07/1981	8,25	8,00	16,25
171	Lê Thanh Nhã	Nam	28/11/1989	7,00	7,75	14,75
172	Trần Tuyết Như	Nữ	29/08/1982	8,00	8,50	16,50
173	Đào Thị Hoàng Oanh	Nữ	10/10/1984	9,00	7,25	16,25
174	Văn Tấn Phong	Nam	23/01/1981	8,00	8,75	16,75
175	Mai Thị Phương	Nữ	10/09/1972	8,75	7,50	16,25
176	Nguyễn Kim Sa	Nữ	02/08/1981	8,75	8,25	17,00
177	Đỗ Thanh Thanh	Nữ	02/02/1981	8,75	8,75	17,50
178	Hồ Quốc Thái	Nam	18/10/1976	7,50	6,50	14,00
179	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	27/10/1981	5,00	5,75	10,75
180	Nguyễn Ngọc Thảo	Nam	29/12/1979	8,75	6,75	15,50
181	Nguyễn Hữu Thuận	Nam	10/01/1983	8,50	8,00	16,50
182	Vũ Thị Thủy	Nữ	10/05/1986	8,75	8,50	17,25

TT	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Môn KTBC&SDH	Môn Hóa được	Tổng
183	Trần Thị Thủy Tiên	Nữ	30/09/1979	7,25	8,50	15,75
184	Nguyễn Thị Thùy Tiên	Nữ	14/01/1983	9,00	8,75	17,75
185	Trịnh Văn Tiến	Nam	16/04/1987	8,50	9,25	17,75
186	Nguyễn Văn Tín	Nam	28/04/1982	8,50	8,00	16,50
187	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	01/03/1988	7,00	8,25	15,25
188	Trần Thị Bảo Trang	Nữ	20/01/1981	7,50	7,75	15,25
189	Trần Thị Hồng Trinh	Nữ	02/03/1987	9,50	9,25	18,75
190	Võ Hữu Trí	Nam	20/04/1981	9,25	9,25	18,50
191	Phạm Thị Thanh Trúc	Nữ	30/07/1984	6,75	9,50	16,25
192	Hà Thanh Vân	Nữ	01/12/1981	8,75	7,50	16,25
193	Võ Thị Bích Vân	Nữ	10/01/1974	9,25	6,00	15,25
194	Phạm Diệp Quốc Vũ	Nam	11/09/1976	8,50	6,50	15,00
195	Phạm Thị Yên	Nữ	03/09/1978	8,75	9,25	18,00
196	Phạm Phan Hải Yên	Nữ	19/02/1984	8,00	7,25	15,25
197	Lê Thị Như ý	Nữ	06/01/1984	7,25	8,50	15,75

(Danh sách gồm 197 học viên)

Ab

1
m